

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGD-ST

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà: Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Vương Đình Hoàng**

2. Ông: **Lường Văn Hưởng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HN&GD ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Họ và tên: chị **Lò Thị H**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Bà Nguyễn Thị T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn:

Họ và tên: Anh **Lường Văn D**, sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 3K1, Trại giam Thanh Xuân, Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: Xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 25/10/2021, tại Bản tự khai của chị H ngày 02/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (H) và anh Lường Văn D làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2011. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không chịu sự ép

buộc hay tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh Lường Văn D chuyển về sinh sống tại bản Chợ, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh D nghiện chất ma túy nên vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành. Đến cuối năm 2017 thì anh D bị bắt và hiện tại đang chấp hành án tại Đội 3K1, Trại giam Thanh Xuân, Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Sau khi anh D bị bắt tôi ở nhà nuôi con và nhiều lần xuống thăm anh D nhưng lần nào cũng xảy ra tranh chấp và tôi đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tôi tại bản Vánh I, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên sinh sống. Nay tôi thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Lường Văn D nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lường Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh D có 01 người con chung là cháu Lường Tú A, sinh ngày 17/01/2016. Hiện cháu Lường Tú A đang sống cùng với tôi ở bản V, xã CĐ, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lường Tú A cho đến khi cháu Anh đủ 18 tuổi. Tôi chưa yêu cầu anh Lường Văn D cấp dưỡng nuôi con chung cùng với tôi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Tôi và anh Lường Văn D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lường Văn D; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

*** Bị đơn:** Theo nội dung Bản tự khai và giấy ý kiến của anh Lường Văn D ngày 14/02/2022. Anh D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lường Văn D và chị Lò Thị H đã đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn và anh D không còn tình cảm vợ chồng với chị H. Đến nay chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D thì anh D đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lường Văn D và chị Lò Thị H có 01 người con chung là cháu Lường Tú Anh, sinh ngày 17/01/2016. Nguyên vọng của anh D là hiện nay bản thân anh D đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân nên không có điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con nên anh D đồng ý giao cháu Lường Tú A cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh D và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị H là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị H và anh Lương Văn D tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2011 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh D nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành. Đến cuối năm 2017 thì anh D bị bắt và hiện tại đang chấp hành án tại Đội 3K1, Trại giam Thanh Xuân, Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: Xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội và từ đó anh chị đã sống ly thân, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên sinh sống. Xét thấy mâu thuẫn của chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và tuyên bố chị H được ly hôn anh D.

Thứ hai về con chung: Chị Lò Thị H và anh Lương Văn D có 01 người con chung là cháu Lương Tú A, sinh ngày 17/01/2016. Nguyên vọng của chị H về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Tú A đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và không yêu Tòa án giải quyết về dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bản thân anh D đang chấp hành án và cũng có ý kiến đồng ý giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị H về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị H và anh D không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị H

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Tuyên bố chỉ Lò Thị H được ly hôn anh Lường Văn D.

Con chung: Chị Lò Thị H và anh Lường Văn D có 01 người con chung: Cháu Lường Tú A, sinh ngày 17/01/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không yêu cầu.

- **Án phí:** Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Lò Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 12/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và đã có Công văn nhờ trại giam Thanh Xuân tổng đạt và anh Lường Văn D đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn – Anh Lường Văn D không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 01 đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Ngày 17/01/2022 chị Lò Thị H có đơn đề nghị không hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện MA tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. anh D nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh D đã viết Giấy ý kiến và bản tự khai nhất trí ly hôn với chị H và anh D cũng viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Vì anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Lò Thị H có mặt, bị đơn là anh Lường Văn D vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng bị đơn Lường Văn D.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 25/10/2021; Tại bản tự khai của chị H ngày 02/12/2021; Lời trình bày của chị H tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị Lò Thị H và anh Lương Văn D tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên vào ngày 22/9/2011 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh D nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành. Đến cuối năm 2017 thì anh D bị bắt và hiện tại đang chấp hành án tại Đội 3K1, Trại giam Thanh Xuân, Cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: Xã Mỹ Hưng, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội Sau khi anh D bị bắt chị H ở nhà nuôi con và nhiều lần xuống thăm anh D, nhưng lần nào cũng xảy ra tranh chấp và tôi đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên sinh sống. Là người vợ, người mẹ khi chồng bị kết án và phải đi chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân, chị H gặp phải muôn vàn khó khăn, tự mình chăm sóc con, chị và con phải về sống nhờ nhà của bố mẹ đẻ của chị tại bản V, xã CD, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Nguyên nhân cũng do anh D mắc nghiện và bị kết án, quá trình chung sống chị cũng đã khuyên can, nhưng anh D không nghe do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh D đã vi phạm pháp luật. Anh D trình bày từ khi kết hôn đến nay hai vợ chồng anh chị có mâu thuẫn và không còn tình cảm vợ chồng với chị H, nay chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy tình cảm của chị H, anh D đối với nhau không còn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị H. Tuyên xử cho chị Lò Thị H được ly hôn với anh Lương Văn D.

*** Về con chung:** Chị Lò Thị H và anh Lương Văn D có 01 người con chung là cháu Lương Tú A, sinh ngày 17/01/2016.

Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Tú A đến khi cháu đủ 18 tuổi và chưa yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng của anh D là giao cháu Lương Tú A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lương Tú A đang sống cùng mẹ từ khi vợ chồng chị H, anh D sống ly thân, hiện nay cháu Anh vẫn còn nhỏ, anh D hiện đang đi chấp hành án nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu Anh cần tiếp tục

giao cháu cho chị H trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu A đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lò Thị H chưa yêu cầu anh Lường Văn D cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* **Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Chị Lò Thị H và anh Lường Văn D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

* **Về án phí:** Chị Lò Thị H là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị H.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị H: Chị Lò Thị H được ly hôn anh Lường Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Tú A, sinh ngày 17/01/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị H.

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Lò Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022). Anh Lường Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS huyện MA;
- UBND xã BL, h. Mường Ảng
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân